

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiện		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG SỐ THU	233,102,000,000	178,740,000,000	77,811,379,517	73,135,530,038	33.38	40.92
I	Các khoản thu xã hưởng 100%			3,318,971,691	1,362,670,869		
-	Thuế tài nguyên giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
-	Thu từ khí thiên nhiên, khí than theo hiệp định, hợp đồng giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
-	Thuế tài nguyên giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý						
-	Thu từ khí thiên nhiên, khí than theo hiệp định, hợp đồng giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý						
-	Thuế tài nguyên khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
-	Thu từ khí thiên nhiên và khí than theo hiệp định, hợp đồng khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
-	Thuế tài nguyên			2,534,262			
-	Lệ phí trước bạ	7,000,000,000	4,270,000,000	2,336,314,038	1,242,513,049	33.38	29.1
-	Các loại phí, lệ phí	190,000,000	190,000,000	63,024,100	53,211,100	33.17	28.01
-	Các khoản thu về nhà, đất			5,081,428	5,081,428		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	420,000,000	420,000,000	5,081,428	5,081,428	1.21	1.21
8.4	Thu tiền sử dụng đất	58,180,000,000	12,206,000,000			0	0
-	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
-	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển						
-	Thu khác ngân sách	1,300,000,000	260,000,000	121,117,281	28,279,208	9.32	10.88
-	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	55,000,000	55,000,000			0	0
-	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ			4,142,838,109	1,423,289,452		
-	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất - kinh doanh trong nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
-	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			25,993,614			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất - kinh doanh trong nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý						
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			42,165,580			
-	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước có vốn đầu tư nước ngoài						
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất - kinh doanh trong nước có vốn đầu tư nước ngoài						
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
-	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	7,550,000,000	5,252,000,000	2,730,331,632	1,080,879,934	36.16	20.58
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất - kinh doanh trong nước khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	25,000,000				0	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2,175,000,000		720,214,057	388,915,602	33.11	
-	Thuế thu nhập cá nhân			1,415,033,808	-12,920,000		
-	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện						
III	Thu Viện trợ						
IV	Thu chuyển nguồn			10,454,308,113	10,454,308,113		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	156,007,000,000	156,007,000,000	59,895,261,604	59,895,261,604	38.39	38.39
-	Bổ sung cân đối	154,927,000,000	154,927,000,000	54,000,000,000	54,000,000,000	34.86	34.86
-	Bổ sung có mục tiêu	1,080,000,000	1,080,000,000	5,895,261,604	5,895,261,604	545.86	545.86